TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày:08– 10-2019
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thả
Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Ngân– Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:06/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 43 ngày 20/9/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Phạm Thị H – Sinh năm: 1960;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).
- **Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị H1 – Sinh năm: 1956;
Địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ngày 27tháng 12 năm 2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Phạm Thị H cho bà Nguyễn Thị H1 vay nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 15/4/2014 (âm lịch) cho vay30.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày; ngày 07/5/2014 (âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay10 ngày; ngày 28/4/2017 (dương lịch) cho vay 350.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tuần, đến hạn bà H1 đã trả 200.000.000 đồng nợ gốc; ngày 02/6/2017 (dương lịch) cho vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày. Trong các lần vay đều viết giấy vay, lãi suất thỏa thuận miệng.Tổng cộng bà H1 còn nợ bà H số tiền gốc là 290.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể: Tiền lãi trên số nợ gốc 150.000.000 đồng vay ngày 28/4/2017, tính lãi từ ngày 05/5/2017 và tiền lãi trên số nợ gốc 100.000.000 đồng vay ngày 02/6/2017, tính lãi từ ngày 13/6/2017 đến khi xét xử sơ thẩm.

- *Bi đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:*Bà H1 đồng ý với phần trình bày của bà H về các hợp đồng vay tài sản, bà H1 đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng, nhưng do điều kiện khó khăn bà H1 xin được trả dần cho bà H mỗi năm là 40.000.000 đồng. Đối với tiền lãi, bà H1 không đồng ý trả vì bà H1 khó khăn.

-Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà Hà số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòavà căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do nguyên đơn bà Phạm Thị H thực hiện quyền khởi kiện;bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trú tại thôn 7, xã Đắk Ơ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[2]Áp dụng Bộ luật Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết: Các giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sảnđược xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng nguyên đơn không yêu cầu về lãi và các hợp đồng vay tài sản được xác lập sau ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực và đang được thực hiện nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản liên quan để giải quyết.

[3]Các hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự được thể hiện qua các giấy vay tiền: ngày 15/4/2014 (âm lịch); ngày 07/5/2014 (âm lịch); ngày 28/4/2017 (dương lịch) và ngày 02/6/2017 (dương lịch) là hợp đồng có kỳ hạn, có lãi. Như vậy, việc giao kết hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà H1 là có thật và đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 470 củaBộ luật Dân sự 2015.

[4]Nguyên đơn bà H yêu cầu bà H1 trả tiền nợ gốc của các hợp đồng vay có kỳ hạn là 290.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay ngày 28/4/2017 còn lại 150.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 05/5/2017và khoản vay ngày 02/6/2017 là 100.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 13/6/2017, xét thấy:

Các hợp đồng vay có kỳ hạn đã quá hạn,bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả nợ, nhưng bà H1 không thực hiện. Điều đó thể hiện bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ.

Có căn cứ khẳng định bà H1 vay tiền của bà H được thể hiện trong các giấy vay tiền nêu trên.Vì vậy, yêu cầu của bà H là có căn cứ được chấp nhận.

Bị đơn bà H1 xin trả dần nợ gốc là 40.000.000 đồng mỗi năm và không đồng ý trả lãi vì lý do khó khăn, nhưng nguyên đơn bà Hàkhông đồng ý, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Các hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất nên áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để tính lãi trên số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng, cụ thể:

100.000.000 đồngx 10%/năm x 2 năm 3 tháng 25 ngày = 23.101.000 đồng.

150.000.000 đồng x 10%/năm x 2năm 5 tháng 03 ngày = 36.229.500 đồng.

Tộng cộng tiền lãi là:59.330.500 đồng.

[6]Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bà H1có nghĩa vụ trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi là 59.330.500 đồng, tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 349.330.500 đồng.

[7]Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vàocác điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 688 và Điều 357của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39,147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và số tiền nợ lãi là 59.330.500 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 349.330.500 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của bà Phạm Thị H, nếu bà Nguyễn Thị H1 chậm trả tiền thì bà H1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu là 17.466.525đồng*(Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng).*

Trả lại bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là7.800.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm nghìn đồng)*đã nộptheo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019608 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3.Nguyên đơn có mặt có quyềnkháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/10/2019); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thoại